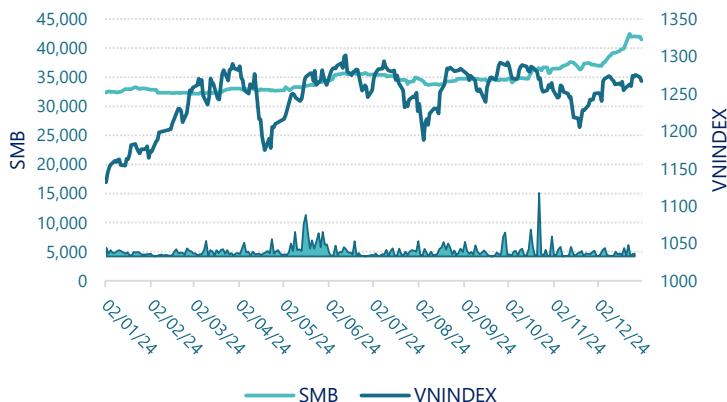




CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung (HSX: SMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	43,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,460
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,055
SL cổ phiếu LH	29,846,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,835
% sở hữu nước ngoài	13.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,283
P/E	7.2
EPS	5,981

DT thuần

Q4/24

377

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00 | -0.2%

YoY: ▲ 19.0 | 5.4%

LN sau thuế

Q4/24

42.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.10 | -17.6%

YoY: ▲ 1.00 | 2.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2024

1,446

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 126 | 9.6%

LN sau thuế

2024

179

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0 | 15.7%

ROE

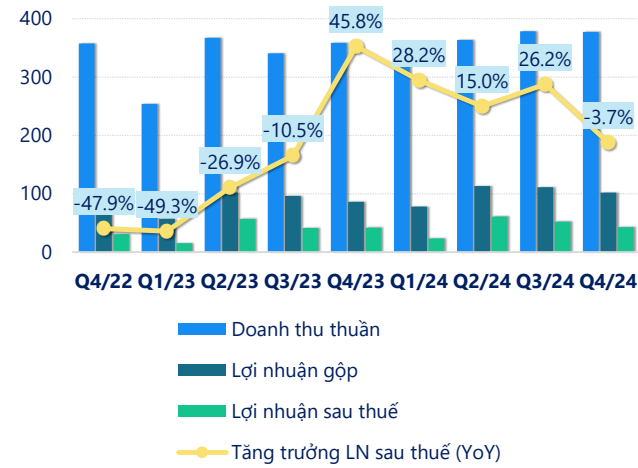
2024

29.8%

+/- YoY: ▲ 4.2%

tỷ VNĐ

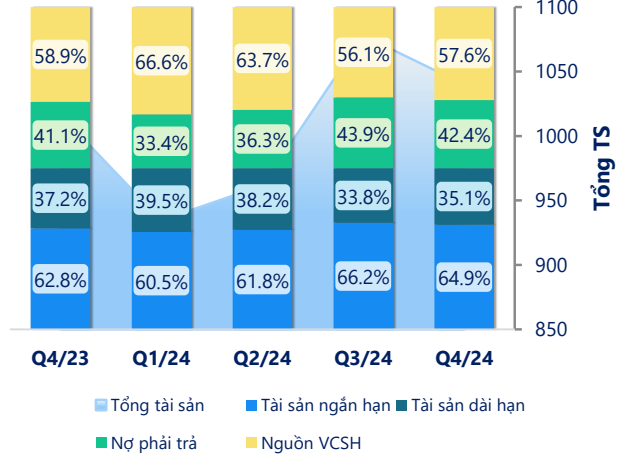
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

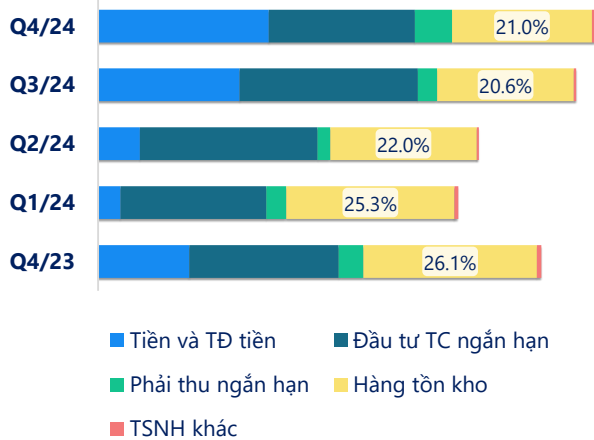
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



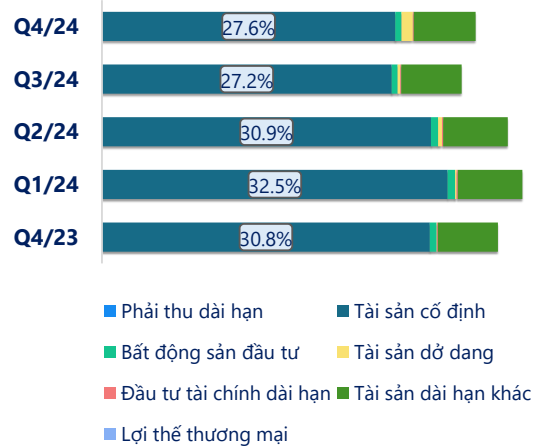
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

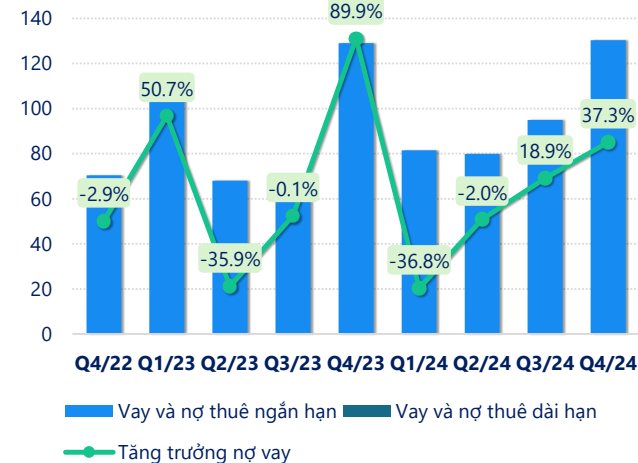
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

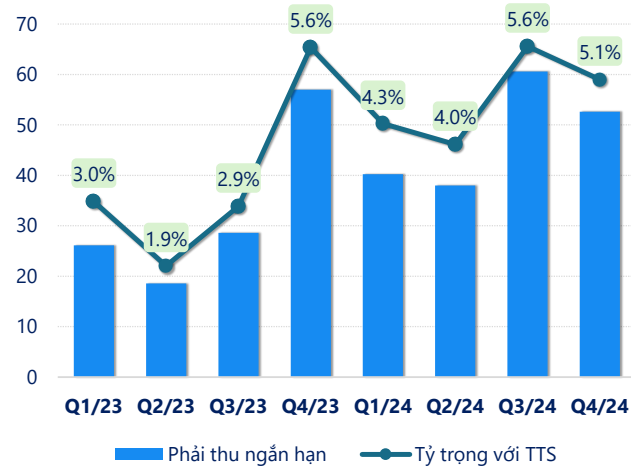
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



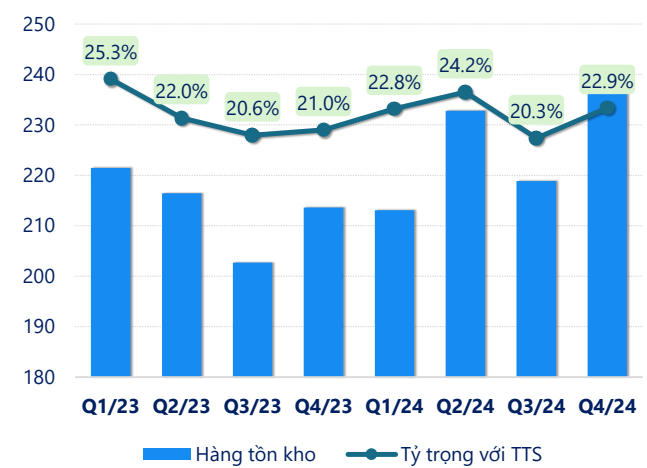
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


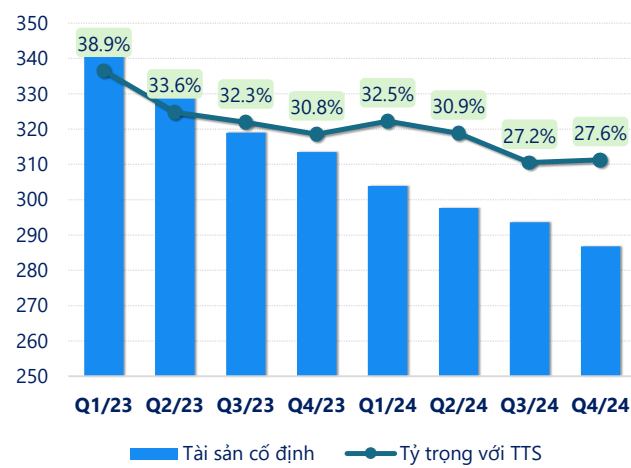
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


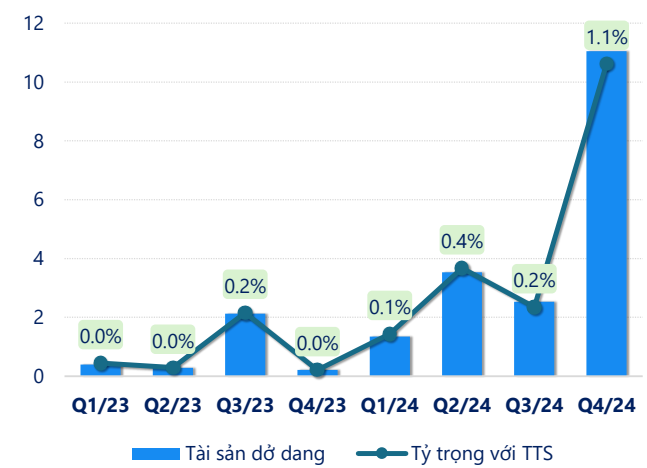
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

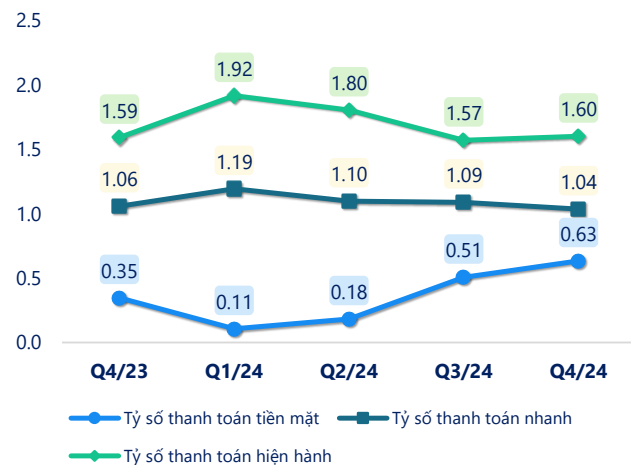
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

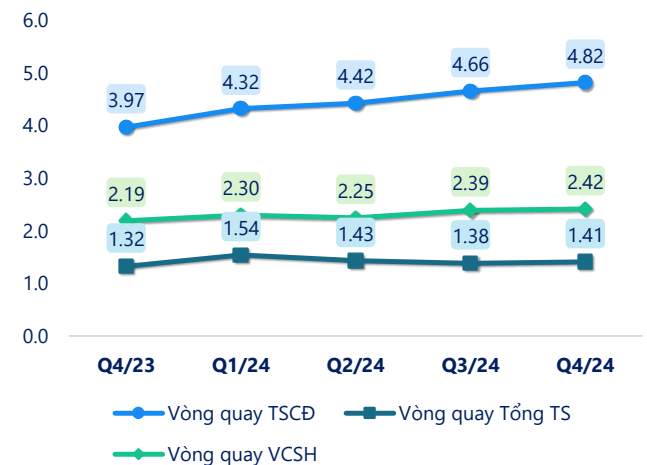
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,017	935	962	1,078	1,040
Tài sản ngắn hạn	638	565	595	713	674
Tiền và tương đương tiền	139	31.4	60.4	230	267
Đầu tư tài chính ngắn hạn	224	277	259	200	113
Phải thu ngắn hạn	57.0	40.3	38.0	60.6	52.6
Hàng tồn kho	214	213	233	219	238
Tài sản ngắn hạn khác	4.73	3.25	4.29	4.22	3.92
Tài sản dài hạn	378	369	367	365	365
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	313	304	298	294	287
Bất động sản đầu tư	6.47	6.38	6.29	6.21	6.12
Tài sản dở dang	0.22	1.35	3.53	2.53	11.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.98	0.98	0.98
Tài sản dài hạn khác	57.2	56.9	58.6	61.3	60.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	418	313	349	473	440
Nợ ngắn hạn	401	295	330	454	421
Vay và nợ thuê ngắn hạn	129	81.5	79.9	95.0	130
Phải trả người bán ngắn hạn	48.3	45.4	50.6	45.8	38.6
Nợ dài hạn	17.2	17.6	19.2	18.7	18.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	598	622	613	605	599
Vốn chủ sở hữu	598	622	613	605	599
Vốn điều lệ	298	298	298	298	298
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)